

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST

Ngày: 10/8/2022

V/v: “tranh chấp liên quan đến yêu cầu  
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Nho Hoàng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- Ông Nguyễn Văn Thư

- Ông Dương Minh Ngọc

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:***

Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST, ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn L, sinh năm: 1963

Trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Minh T, sinh năm: 1977, trú tại: Số A, Tp. T, tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

- **Bị đơn:** Văn Phòng Công chứng N; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: Văn phòng công chứng V. người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh V, chức vụ: công chứng viên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khối phố A, thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Quảng Nam.

**- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:**

+ Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1950, trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Lê Thị L, sinh năm: 1955, trú tại: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1956; trú tại: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Lê Viết T1, sinh năm: 1966; trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

(Ông Lê Viết T1, bà Lê Thị Th, bà Lê Thị Ph, bà Lê Thị L ủy quyền cho ông Lê Văn L sinh năm: 1963, trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2022, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha ông Lê Văn L là ông Lê Kh và mẹ là bà Châu Thị H có thửa đất tại thôn Mỹ Bình, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 do Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành cấp giấy chứng nhận vào ngày 08/8/2002 tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26 tại thôn Mỹ Bình, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Năm 2013 cha mẹ ông Lê Văn L chết; Năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U 349364 nhưng do gia đình ông L không biết nên vẫn giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; Đến năm 2020 thì anh em trong gia đình ông Lê Văn L thống nhất thừa kế toàn bộ T1 sản là quyền sử dụng đất và T1 sản trên đất cho ông Lê Văn L được Văn phòng công chứng Núi Thành chứng thực, Ông Lê Văn L đã đăng ký làm thủ tục sang tên thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị nhà nước thu hồi. Do đó việc ông Lê Văn L và các đồng thừa kế lập văn bản phân chia di sản thừa kế được văn phòng công chứng Núi Thành chứng thực là vi phạm điều cấm của pháp luật.

Do đó, ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và ông Lê Văn L đã được Văn phòng công chứng Núi Thành chứng nhận theo số công chứng 1230, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu; Do hậu quả chưa xảy ra nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Văn phòng công chứng Núi Thành trình bày:*

Văn bản phân chia T1 sản thừa kế số 1230, quyền số 01 TP/CC-SCC-HĐGD, ngày 30/09/2020 của Văn phòng công chứng Núi Thành đã có hiệu lực pháp luật.

Do đó việc ông Lê Văn L yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng công chứng Núi Thành chứng thực vô hiệu, Văn phòng công chứng không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày: thống nhất như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và Lê Văn L đã được Văn phòng Công chứng Núi Thành chứng thực theo số công chứng 1230, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và ông Lê Văn L đã được Văn phòng công chứng Núi Thành chứng nhận theo số công chứng 1230, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu; Do hậu quả chưa xảy ra nên nguyên đơn không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp L quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại khoản 11 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn Văn phòng công chứng N (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Văn phòng công chứng Núi Thành là Văn phòng công chứng V) có địa chỉ tại khối phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Lê Thị Ph, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 ủy quyền cho ông Lê Văn L tham gia tố tụng, ông Lê Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và ông Lê Văn L đã được Văn phòng công chứng N chứng nhận theo số

công chứng 1230, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu thì thấy: ngày 13/02/2017 Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành ban hành quyết định số 1321/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật, tại Điều 1 của quyết định này quy định “thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 111/QSDĐ/H ngày 08/8/2002 đã cấp cho hộ ông Lê Kh tại xã Tam Hiệp đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ số 26 diện tích 3.252m<sup>2</sup>, loại đất ở và vườn vì cấp không đúng quy định của pháp luật (không đúng đối tượng sử dụng đất) theo như kết luận số 01/KL-TTr ngày 05/01/2017 của Th tra huyện Núi Thành; tại Công văn số 1136/UBND-TNMT ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành xác định quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành vẫn còn hiệu lực thi hành, không bị hủy bỏ; trong khi đó ngày 30/9/2020, các đồng thừa kế của ông Lê Khước và bà Châu Thị Hấp lại lập văn bản phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, diện tích đất 3.252m<sup>2</sup> tại xã Tam Hiệp cấp cho hộ ông Lê Kh được Văn phòng công chứng Nh chứng nhận. Như vậy, Văn bản phân chia T1 sản thừa kế ngày 30/9/2020 do Văn phòng công chứng Núi Thành chứng nhận là trái với quy định tại Điều 168 Luật đất đai năm 2013 vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 111/QSDĐ/H ngày 08/8/2002 đã cấp cho hộ ông Lê Kh tại xã Tam Hiệp đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ số 26 diện tích 3.252m<sup>2</sup>, loại đất ở và vườn đã bị Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành thu hồi, vì vậy căn cứ Điều 52 Luật công chứng năm 2014, Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và ông Lê Văn L đã được Văn phòng công chứng Núi Thành chứng nhận theo số công chứng 1230, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 52 Luật công chứng năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L. Tuyên bố văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế giữa bà Lê Thị Ph, Lê Thị L, Lê Thị Th, ông Lê Viết T1 và ông Lê Văn L đã được Văn phòng công chứng N chứng nhận theo số công chứng 1230, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/9/2020 vô hiệu.

Án phí: ông Lê Văn L tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông L đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010959 ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Núi Thành.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THADS;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Nho Hoàng**

